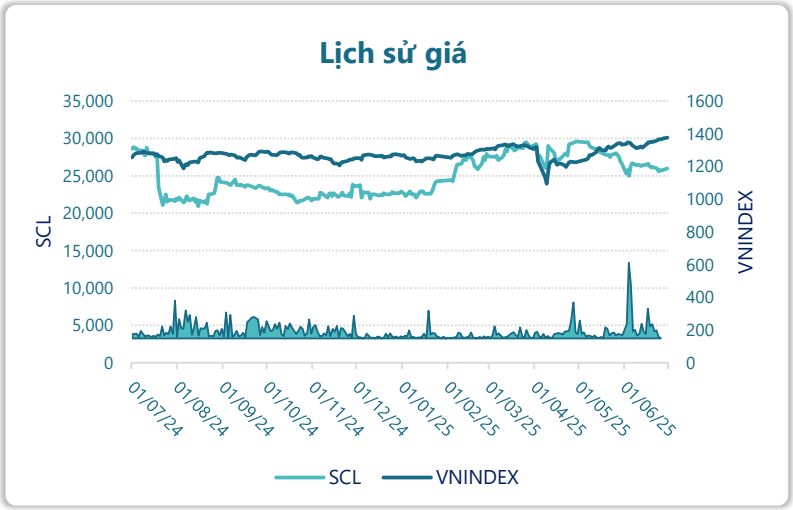
FireAnt

CTCP Sông Đà Cao Cường (UPCOM: SCL)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**26,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,929
SL cổ phiếu LH	22,392,839
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,645
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	582
P/E	17.4
EPS	1,498

DT thuần

Q2/25

140

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 46.0| 49.4%

YoY: ▲ 8.00| 6.4%

LN sau thuế

Q2/25

15.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.03| 79.7%

YoY: ▲ 7.87| 98.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

16.7%

+/- YoY: ▲ 7.5%

DT thuần

6T 2025

234

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.0| 6.6%

LN sau thuế

6T 2025

24.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.90| 24.9%

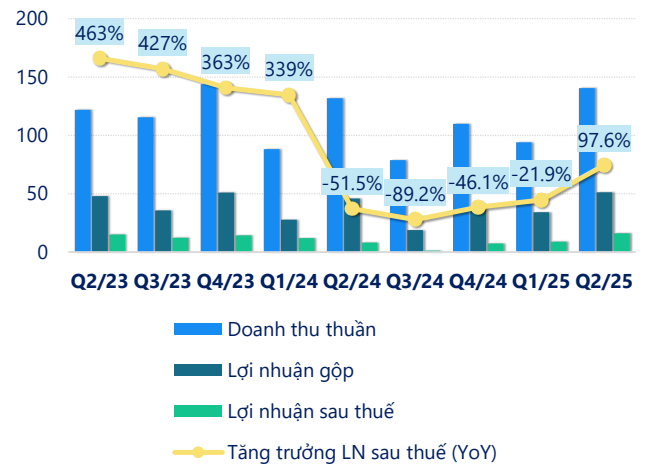
ROE

Q2/25

12.0%

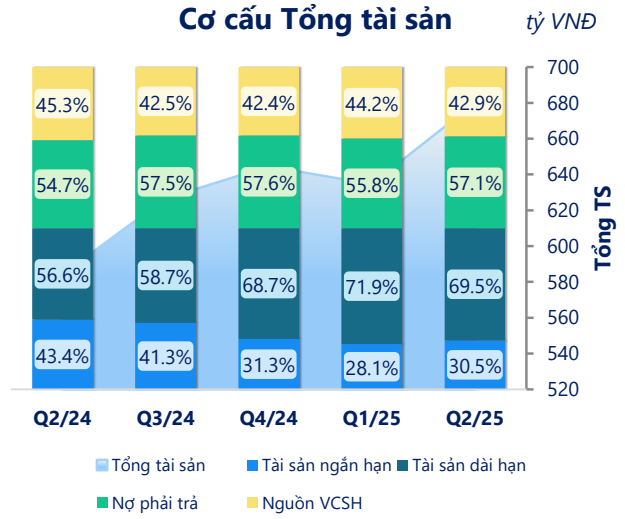
+/- YoY: ▼ 6.9%

Kết quả kinh doanh



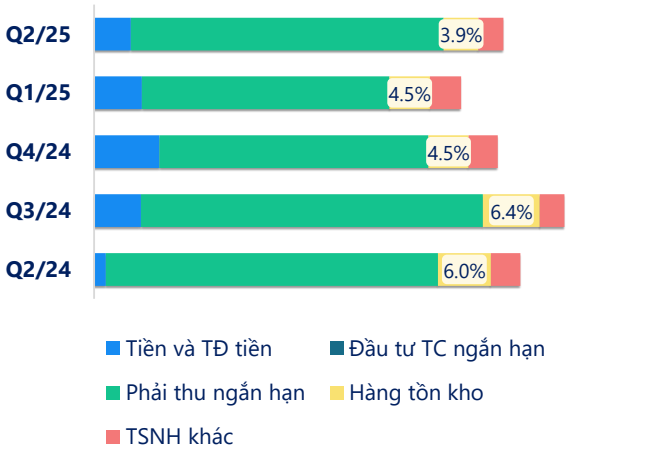
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



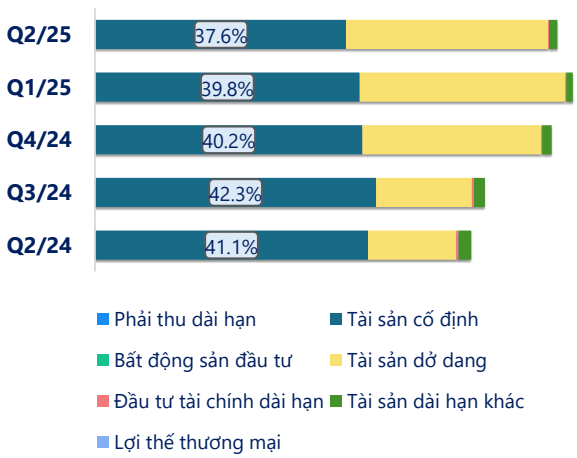
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



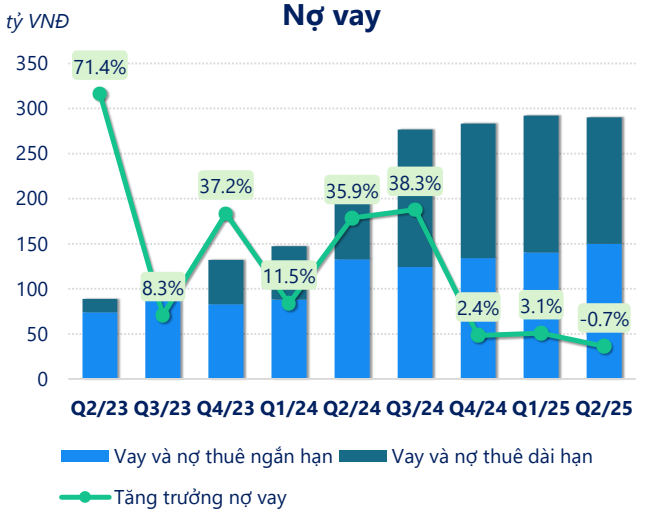
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



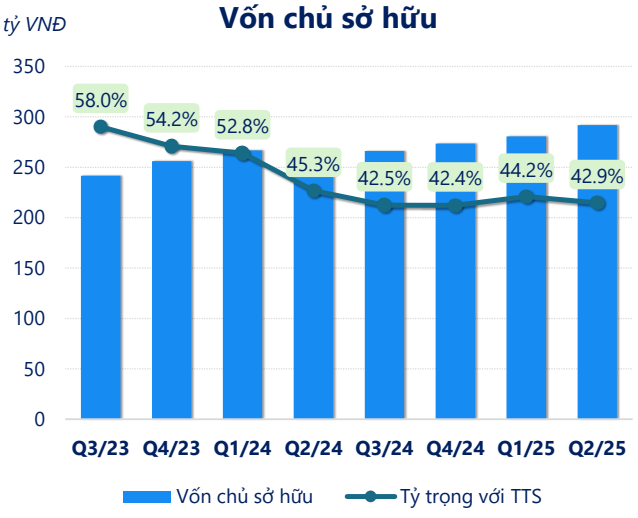
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



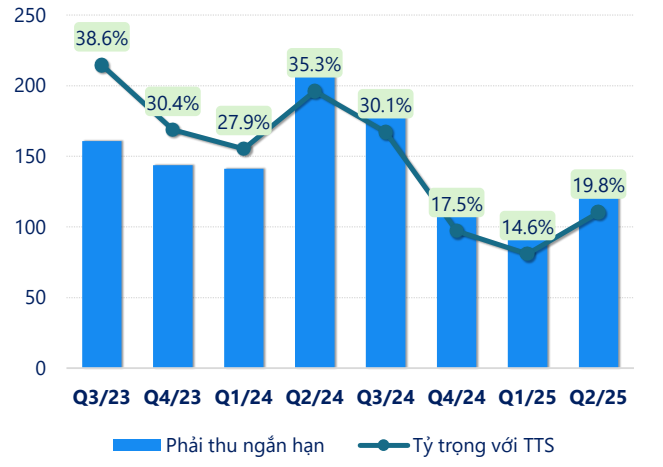
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



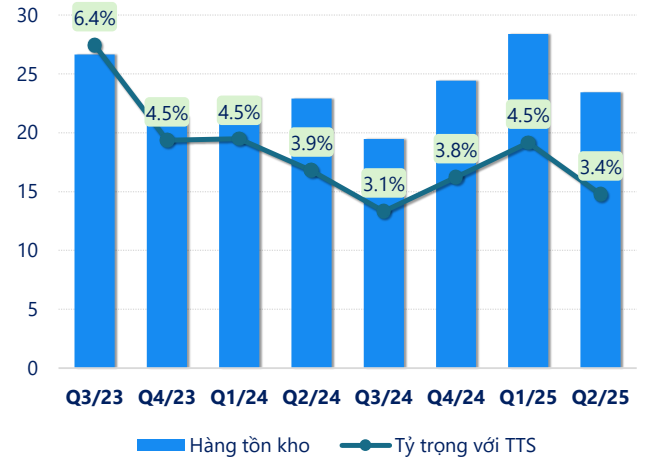
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



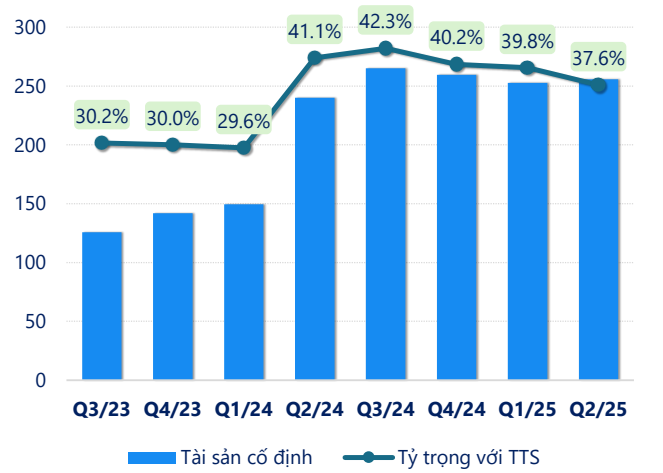
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



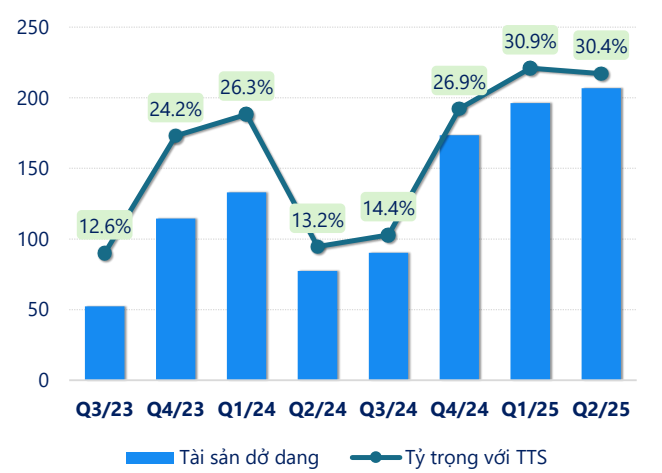
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



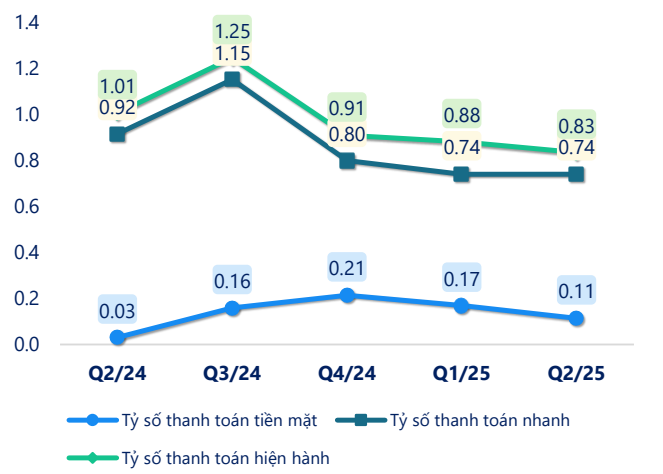
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



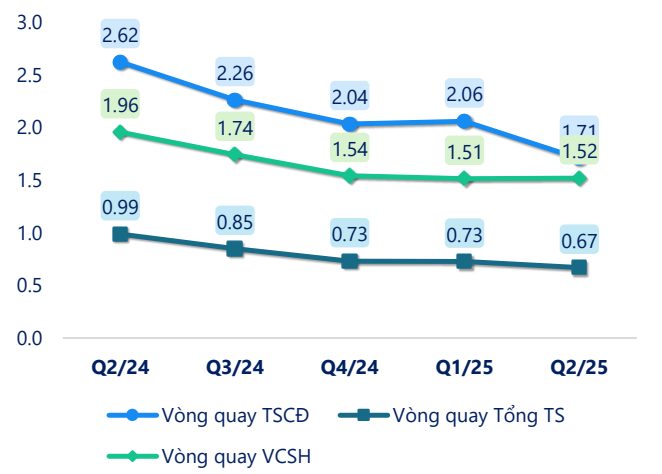
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**584**	**627**	**644**	**635**	**680**
Tài sản ngắn hạn	**253**	**259**	**202**	**178**	**207**
Tiền và tương đương tiền	7.73	33.1	47.4	34.3	28.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	206	188	113	92.4	135
Hàng tồn kho	22.9	19.5	24.4	28.4	23.4
Tài sản ngắn hạn khác	16.5	18.0	17.0	23.3	20.5
Tài sản dài hạn	**331**	**368**	**443**	**456**	**473**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	1.00
Tài sản cố định	240	265	259	253	256
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	77.4	90.2	173	196	207
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	0.80	0.80	0.80
Tài sản dài hạn khác	11.4	10.3	9.39	6.42	8.44
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**319**	**360**	**371**	**354**	**388**
Nợ ngắn hạn	**252**	**208**	**222**	**202**	**248**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	133	124	134	140	150
Phải trả người bán ngắn hạn	74.8	44.8	44.1	46.3	74.1
Nợ dài hạn	67.5	152	149	152	140
Vay và nợ thuê dài hạn	67.5	152	149	152	140
Nguồn vốn chủ sở hữu	**265**	**266**	**274**	**280**	**292**
Vốn chủ sở hữu	**265**	**266**	**274**	**280**	**292**
Vốn điều lệ	187	187	187	224	224
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	-0.15	-0.15

(Nguồn: fireant.vn)